

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trọn
2. Bà Trần Thị Hoài Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1962 (tên và năm sinh trong giấy chứng nhận kết hôn là Phạm Thị Ch, sinh năm 1965) (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C.

2. *Bị đơn:* Ông Lương Minh T (tên trong giấy chứng nhận kết hôn là Lương Thành T), sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2017 và tại phiên tòa bà Phạm Thị Tr trình bày: bà và ông Lương Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21 tháng 3 năm 1987 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh M (nay là xã T, huyện P, tỉnh C). Nhưng gần đây khoảng mười năm vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, ông T thường xuyên gây gỗ đánh đập bà, chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng ông T không sửa mà gây gỗ đánh đập bà nhiều hơn, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Bà xét thấy tình cảm vợ chồng không có

hạnh phúc, không còn yêu thương nhau nên bà làm đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lương Minh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông T có hai người con chung tên Lương Minh T1, sinh năm 1989 và Lương Trúc H, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2001. Đối với Lương Minh T1 đã trưởng thành và có đầy đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung tên Lương Trúc H, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2001. Bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Tr yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lương Minh T. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lương Minh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Lương Minh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Tr và ông Lương Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1987 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh M (nay là xã T, huyện P, tỉnh C) nên hôn nhân của bà Tr và ông T là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà Tr giữ yêu cầu ly hôn với ông T vì cho rằng bà không còn thương yêu ông T. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông T nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông T vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Tr. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội và lý do chính đáng khác*”. Bà Tr và ông T ly thân từ đầu năm 2017 đến nay và tại phiên tòa bà Tr cho rằng không còn thương yêu ông T nên vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông T đã trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Tr về việc yêu cầu ly hôn với ông Lương Minh T.

[3] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Tr và ông T có hai người con chung tên Lương Minh T1, sinh năm 1989 và Lương Trúc H, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2001. Đối với Lương Minh T1 đã trưởng thành và có đầy đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không xem xét. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chung tên Lương Trúc H, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2001. Xét thấy con chung do bà Tr đang trực tiếp nuôi dưỡng và tại phiên tòa người con chung Lương Trúc H có nguyện vọng được chung sống với bà Tr. Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý cho ông T nhưng ông T không có ý kiến gì về yêu cầu được nuôi con chung của bà Tr nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tr về việc trực tiếp nuôi con chung. Giao người con chung tên Lương Trúc H, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2001 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền thăm nom người con chung không ai được cản trở. Bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Tr phải nộp 300.000đ, bà Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được đối trừ chuyên thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Tr và ông Lương Minh T.

Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Lương Trúc H, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2001 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền thăm nom người con chung không ai được cản trở.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia và đình sơ thẩm bà Tr phải nộp 300.000đ, bà Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006673 ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được đổi trừ chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm, bà Tr có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- UBND xã T, huyện P, tỉnh C (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều